

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/HS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân **huyện L**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 200/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn S, sinh năm 1987, tại **TP .**; Nơi đăng ký thường trú: 266/108/5 **T, Phường H, Quận D, TP .**; Nơi sinh sống: không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam, Tôn giáo: Không; Con ông ông **Dương Quang Đ**, sinh năm 1968 và bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2023 đến ngày 11/6/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Hoàng Đức H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Tổ E, Ấp A, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Đức H và **Phạm Văn S** có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 10/12/2021, do cần tiền nên **H** nhờ **S** đem xe mô tô hiệu Airblade, biển số 60C1-818.48 của **H** đi cầm dùm **H** thì **S** đồng ý. **S** điều khiển xe đến **thị trấn H,**

huyện N, tỉnh Đồng Nai gặp 01 người tên Sinh Đ1 đang thuê trọ tại thị trấn H để nhờ Sinh Đ1 tìm người cầm xe. Sau đó, Sinh Đ1 gọi điện cho Hoàng L, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để nhờ cầm xe thì L đồng ý và L chở theo Nguyễn Thị T1 là bạn gái của L đến phòng trọ của Sinh Đ1 lấy xe đem đến tiệm cầm đồ Thiên Bình 2 thuộc xã P, huyện N do Phạm Văn V, sinh năm 1982 làm chủ cầm được số tiền 5.000.000 đồng nhưng do xe không kèm theo giấy tờ xe nên anh V chỉ đưa số tiền 4.500.000 đồng và giữ lại 500.000 đồng tiền lãi. Sau khi cầm xe xong L đưa cho S 4.500.000 đồng thì S cho L 200.000 đồng rồi về gặp H và nói xe cầm được số tiền 3.500.000 đồng và đưa cho H. Đến ngày 27/12/2021, S gọi điện nhắc H đóng tiền lãi thì H đưa cho S số tiền 4.200.000 đồng để đi chuộc xe. Sau khi nhận tiền từ H thì S có liên lạc với L và Sinh Đ1 nhưng không được nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng của H nên S không đem số tiền 4.200.000 đồng trả lại cho H và cũng không quay về nhà trọ của S đồng thời đổi luôn số điện thoại và sử dụng hết số tiền 4.200.000 đồng để mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Ngày 05/01/2022 anh H đến Công an thị trấn L trình báo sự việc, đến ngày 02/6/2023 Phạm Văn S đến Công an huyện L đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 4.200.000 đồng S đã tiêu xài hết nên không thu hồi lại được; Xe mô tô hiệu Airblade, biển số 60C1-818.48 của anh H chưa thu hồi lại được nên Cơ quan điều tra đang xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hoàng Đức H yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 4.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 182/CT-VKSLT ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Văn S để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 08 tháng đến 10 tháng tù giam.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng Đức H theo quy định.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành.

- Ý kiến của bị hại: Yêu cầu bị cáo S trả lại số tiền đã chiếm đoạt 4.200.000 đồng. Xe mô tô hiệu Airblade, biển số 60C1-818.48 hiện chưa thu hồi được nhưng anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe trong vụ án này, nếu sau này không thu hồi được xe anh H sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các quyết định, hành vi tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào ngày 27/12/2021 tại tiệm cắt tóc của anh Nguyễn Hoàng Đức H, địa chỉ: khu K, thị trấn L. Bị cáo S đã nhận số tiền 4.200.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng Đức H để đi chuộc xe mô tô hiệu Airblade biển số 60C1-818.48 cho anh H nhưng S đã không thực hiện việc chuộc xe và cũng không giao trả lại số tiền trên cho anh H mà chiếm đoạt số tiền trên để mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của Phạm Văn S đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra Công an huyện L, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Phạm Văn S đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tội danh và hình phạt phù hợp với điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố tại bản Cáo trạng.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện, có xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng xét thấy hiện nay bị cáo đang sống lang thang, không có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh **Nguyễn Hoàng Đức H** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.200.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh **H** số tiền 4.200.000 đồng nên ghi nhận;

Đối với xe mô tô hiệu Airblade biển số 60C1-818.48 hiện chưa thu hồi được nhưng anh **H** không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đối với **Hoàng L** và **Phạm Văn V** có hành vi liên quan đến việc cầm cố xe mô tô biển số 60C1-818.48 của anh **H**, Cơ quan điều tra **Công an huyện L** đang xác minh xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn S** phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn S** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tại phiên tòa ngày 29/9/2023, được trừ đi thời gian tạm giữ trước từ ngày 02/6/2023 đến ngày 11/6/2023.

2. Áp dụng Điều 584, 585, 586, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Phạm Văn S** phải bồi thường cho anh **Nguyễn Hoàng Đức H** số tiền 4.200.000 đồng;

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo **Phạm Văn S** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT CAH. Long Thành.;
- Nhà tạm giữ CAH. Long Thành.
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

Hội thẩm nhân dân
toà

Thẩm phán- Chủ toạ phiên

Nguyễn Văn B

Phạm Thị Thủy T2

Trần Nhật L1

